TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v "Tranh chấp về đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tuyển

2.Ông Nguyễn Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn L Anh Thư – Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xét xử sơ thẩm c khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp về đòi lại tài sản", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N (Bé Sáu), sinh năm 1964*; (có mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tr 2, xã T, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim L (Bé Hai), sinh năm 1980*; (có mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tr 2, xã T, huyện G, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thành C (T), sinh năm 1976*; (vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Tr 2, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05-5-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N (Bé Sáu) trình bày:

Chị L có tham gia 06 dây hụi do bà làm chủ thảo. Tất cả các dây hụi chị L đều đã hốt. Chị L có đóng tiền hụi chết nhưng từ ngày 17-7-2017 chị L không tiếp tục đóng tiền hụi chết nữa. Sau khi chị L ngưng đóng hụi, bà và chị L có gặp nhau để chốt tiền hụi còn nợ vào tháng 7-2017 với số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên có làm giấy gút nợ và bà giao chị L giữ. Đến ngày 19-7-2017, chị

L trốn nợ nên anh T (chồng chị L) có chạy sang nhà bà thông báo.Bà có nói chuyện với anh T, thì anh T chỉ đồng ý trả một nữa số tiền nợ hụi của chị L nên bà mới ghi số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng. Và anh T hứa mỗi tháng trả cho bà 500.000 đồng. Sau đó chị L quay về và đến tháng 8-2018, chị L bắt đầu góp cho bà mỗi tháng 500.000 đồng. Chị L góp đến tháng 02-2023, sang tháng 03-2023 thì ngưng. Trong khoảng thời gian từ tháng 8-2018 đến tháng 02-2023 chị L góp không đầy đủ. Tổng số tiền mà chị L đã góp là 23.500.000 đồng. Chị L và anh C còn nợ bà số tiền 76.500.000 đồng, bà yêu cầu chị L, anh C trả số tiền hụi còn nợ là 76.500.000 đồng cho bà.

Tại đơn khởi kiện, sau khi tính lại các dây hụi thì tổng số tiền hụi chị L còn nợ bà là 103.000.000 đồng, không phải 100.000.000 đồng như bà và chị L đã gút với nhau. Do đó, sau khi trừ số tiền chị L góp được là 23.500.000 đồng, bà khởi kiện yêu cầu chị L, anh C trả 79.500.000 đồng. Nay bà đồng ý rút lại số tiền 3.000.000 đồng, chỉ yêu cầu giải quyết tiền hụi trên số tiền mà hai bên đã gút nợ với nhau là 100.000.000 đồng và số tiền chị L, anh C còn phải trả cho bà là 76.500.000 đồng. Bà không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-8-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Kim L (Bé Hai) trình bày:

Chị thừa nhận có tham gia các dây hụi như đơn khởi kiện mà bà N đã liệt kê. Năm 2017, chị và bà N có gút nợ với nhau, chị còn nợ bà N số tiền là 100.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu nên khi Tòa án lấy lời khai chị không nhớ nên trình bày không đúng, nay chị xin được đính chính. Chị có góp mỗi tháng 500.000 đồng cho bà N nhưng bắt đầu góp từ khi nào thì chị không nhớ, và trong thời gian góp cũng có tháng chị không có tiền nên không góp cho bà N, đến tháng 3-2023 thì ngưng góp cho đến nay. Chị không nhớ tổng số tiền đã góp là bao nhiêu nhưng nay chị thống nhất với bà N số tiền hụi chị còn nợ là 76.500.000 đồng như bà N trình bày. Chị đồng ý trả cho bà N số tiền 76.500.000 đồng theo yêu cầu của bà N. Còn anh C thì chị không yêu cầu anh C cùng trả nợ, do anh C nói là nợ của chị thì chị tự trả, anh C không liên quan. Mục đích chị hốt hụi là để sửa chữa nhà ở, chi tiêu trong gia đình và trang trải các khoản nợ. Nay chị xin trả cho bà N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Thành C (T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng anh C chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc chị L và anh C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 76.500.000 đồng cho bà N.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 3.000.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:Bà N và chị L thừa nhận vào năm 2017, bà N và chị L có gút lại số tiền hụi chết mà chị L còn nợ là 100.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận chị L góp mỗi tháng cho bà N số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hiện nay các dây hụi mà chị L tham gia cũng đã mãn. Do đó, Tòa án thụ lý quan hệ "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi" là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành C (T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền còn nợ:

Qua thu thập chứng cứ,chị L thừa nhận có tham gia hụi do bà N làm chủ thảo. Do chị L không có khả năng đóng hụi chết hàng tháng nên bà N cùng chị L có gút nợ lại với nhau, tổng số tiền hụi chết mà chị L còn nợ của bà N là 100.000.000 đồng và bà N đồng ý cho chị L trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà N và chị L cũng thống nhất từ năm 2018 đến nay, chị L đã góp cho bà N được số tiền là 23.500.000 đồng còn nợ số tiền là 76.500.000 đồng. Do chị L vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà N khởi kiện vụ án là đúng quy định của pháp luật và chị L cũng đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ 76.500.000 đồng theo yêu cầu của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận theo quy định tại điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét nghĩa vụ trả nợ cho bà N thì thấy:

Từ khi chị L tham gia hụi do bà N làm chủ thảo, chị L và anh C (T) chung sống vợ chồng với nhau và cho đến khi xảy ra tranh chấp thì chị L và anh C (T) vẫn sống chung nhà và không phát sinh mâu thuẫn.

Chị L thừa nhận số tiền hốt hụi chị sử dụng vào việc sửa chữa nhà ở, chi tiêu trong gia đình và trang trải các khoản nợ. Hơn nữa, bà N và chị L cũng thừa nhận, vào ngày 19-7-2017 anh C (T) có ký giấy nợ và cam kết trả nợ cho bà N (bút lục số 32). Mặc dù chị L không yêu cầu anh C có trách nhiệm cùng chị trả

nợ cho bà N nhưng khoản tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của chị L và anh C, và bà N cũng có yêu cầu anh C có trách nhiệm cùng chị L trả nợ cho bà. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh C có nghĩa vụ liên đới cùng với chị L trả số tiền 76.500.000 đồng cho bà N là phù hợp với Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Bà N không yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[2.4] Đối với số tiền 3.000.000 đồng chênh lệch theo đơn khởi kiện, bà N không yêu cầu tiếp tục giải quyết nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N nên chị L và anh C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147,217, 218, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều166, 288 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Bé Sáu) đối với chị Nguyễn Kim L (Bé Hai) và anh Nguyễn Thành C (T) về việc "Tranh chấp về đòi lại tài sản".

Buộc chị Nguyễn Kim L (Bé Hai) và anh Nguyễn Thành C (T) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị N (Bé Sáu) số tiền 76.500.000 *(Bảy mươi sáu triệu năm trăm nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị L và anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Trần Thị N (Bé Sáu)đối với số tiền 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L và anh C có nghĩa vụ liên đới chịu 3.825.000 *(Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng.

Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.987.500*(Một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm)* đồng theo biên lai thu số 0025519 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cương